

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-36
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-36

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Ủy viên	
Ông La Thế Nhân	Ủy viên	
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2012)
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2012)
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/03/2012)
Ông Nguyễn Văn Ngan	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/03/2012)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông La Thế Nhân	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban	
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên	
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/03/2012)
Ông Trần Xoa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/03/2012)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính về vấn đề sau: Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 - thuyết minh về tài sản cố định hữu hình và thuyết minh số 12 - thuyết minh về bất động sản đầu tư, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, trong kỳ Công ty thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, do vậy đã làm giảm chi phí khấu hao và tăng kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012 so với cùng kỳ năm trước số tiền 3.751.006.014 đồng.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100.537.471.827	115.022.422.115
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.091.918.679	25.226.879.782
111	1. Tiền		13.991.918.679	10.226.879.782
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.100.000.000	15.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.050.000.000	350.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.050.000.000	350.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.321.312.170	28.453.700.139
131	1. Phải thu của khách hàng		18.735.723.655	24.533.168.449
132	2. Trả trước cho người bán		531.929.000	601.645.197
135	5. Các khoản phải thu khác	5	448.069.894	3.713.296.872
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(394.410.379)
140	IV. Hàng tồn kho	6	53.601.519.239	57.975.966.753
141	1. Hàng tồn kho		53.601.519.239	57.975.966.753
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		472.721.739	3.015.875.441
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		427.877.496	685.190.386
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		17.813.182	2.297.539.133
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	12.195.554	17.974.449
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	14.835.507	15.171.473
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		124.251.705.130	130.014.141.344
220	II. Tài sản cố định		60.622.098.682	67.464.336.531
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	54.998.019.626	60.477.105.089
222	- Nguyên giá		124.711.777.789	122.535.120.784
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.713.758.163)	(62.058.015.695)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	5.386.425.965	5.658.201.641
228	- Nguyên giá		6.771.650.088	6.798.877.288
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.385.224.123)	(1.140.675.647)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	237.653.091	1.329.029.801
240	III. Bất động sản đầu tư	12	40.780.570.655	42.711.540.851
241	- Nguyên giá		52.481.862.189	52.481.862.189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.701.291.534)	(9.770.321.338)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	20.835.617.619	17.680.177.133
251	1. Đầu tư vào công ty con		15.100.000.000	10.100.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		8.700.000.000	8.700.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.086.711.581)	(1.242.152.067)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.013.418.174	2.158.086.829
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.013.418.174	2.158.086.829
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		224.789.176.957	245.036.563.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		34.787.313.450	41.638.855.659
310	I. Nợ ngắn hạn		34.787.313.450	40.792.986.022
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	15.118.806.719	23.362.360.066
312	2. Phải trả người bán		5.332.387.561	11.054.136.806
313	3. Người mua trả tiền trước		501.323.500	427.470.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.016.630.403	494.546.250
315	5. Phải trả người lao động		1.820.817.749	1.745.137.812
316	6. Chi phí phải trả		3.938.499	54.717.898
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	2.954.067.188	3.447.100.794
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		39.341.831	207.516.396
330	II. Nợ dài hạn		-	845.869.637
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	807.177.764
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	38.691.873
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		190.001.863.507	203.397.707.800
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	190.001.863.507	203.397.707.800
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(828.853.039)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.477.656.109	1.242.204.294
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.228.334.818)	10.231.814.329
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		224.789.176.957	245.036.563.459

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	219.004.640
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		1.388.433.438	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		14.001,56	3.645,87
- Đồng Euro (EUR)		316,04	522,96

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	109.651.648.321	152.261.328.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	144.321.028	1.370.685.810
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	109.507.327.293	150.890.642.333
11	4. Giá vốn hàng bán	22	110.913.516.608	142.208.107.762
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.406.189.315)	8.682.534.571
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.392.315.533	8.892.928.824
22	7. Chi phí tài chính	24	4.231.912.409	6.321.828.756
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.397.576.967</i>	<i>2.187.245.155</i>
24	8. Chi phí bán hàng		1.511.505.687	1.378.759.853
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.825.361.260	4.241.665.715
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.582.653.138)	5.633.209.071
31	11. Thu nhập khác	25	583.719.104	751.774.596
32	12. Chi phí khác	26	85.833.882	1.340.066.976
40	13. Lợi nhuận khác		497.885.222	(588.292.380)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.084.767.916)	5.044.916.691
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	335.880.384
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.084.767.916)	4.709.036.307
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(1.643)	957

Hoàng Văn Điều
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.084.767.916)	5.044.916.691
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		10.571.723.600	13.899.203.614
03	- Các khoản dự phòng		1.844.559.514	1.037.959.565
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(8.162.384)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.251.126.476)	(7.466.176.071)
06	- Chi phí lãi vay		1.397.576.967	2.187.245.155
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.469.803.305	14.703.148.954
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.220.421.521	(9.985.833.393)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.374.447.514	2.376.410.936
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.829.783.055	(21.165.932.110)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		401.981.545	43.136.468
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.397.576.967)	(2.187.245.155)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(482.522.588)	(942.799.210)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		616.807.739	90.563.760
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.020.434.120)	(90.563.760)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.012.711.004	(17.159.113.510)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.819.804.821)	(793.774.974)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		24.272.728	440.840.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.300.000.000)	(5.200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.600.000.000	19.684.560.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	(1.400.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	14.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.436.143.014	3.298.675.071
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.059.389.079)	30.030.301.006
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.295.834.920)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		72.494.356.635	48.475.672.804
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(80.703.973.531)	(52.579.074.087)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.884.374.600)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.093.991.496)	(5.399.236.203)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		859.330.429	7.471.951.293

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		25.226.879.782	17.759.391.271
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.708.468	(4.462.782)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	26.091.918.679	25.226.879.782

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 53.562.120.000 đồng; tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Xí nghiệp Giấy Alta	Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp sản xuất nhựa xuất khẩu	Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp In tổng hợp	105 Đường Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Thương mại & Giải trí Lạc Hồng	Số 91 B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Laser game Nguyễn Kim	Trung tâm Điện máy Nguyễn Kim - Chi nhánh Thủ Đức, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Rạp Alta 4D-Max và laser game Suối Tiên	Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
- Khu Dịch vụ giải trí điện tử tại Maximark 3T2	Siêu thị Maximark 3 tháng 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Chế bản & Kỹ thuật in	Số 9 - 11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sản xuất và Phát hành băng, đĩa nhạc	Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta	Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Số 17 Đường Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình
- Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty liên doanh sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Y khoa Song An (*)	Số 11, Đường Trường Trinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

(*) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2012, sản phẩm túi xốp bị đánh thuế bảo vệ môi trường với số tiền 40.000/kg dẫn đến giá bán sản phẩm cao làm giảm sức mua của người tiêu dùng. Tuy nhiên bên cạnh việc giảm doanh thu thì tốc độ giảm của chi phí ít hơn do trong chi phí sản xuất có định phí.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	8.595.730.820	6.399.270.831
Tiền gửi ngân hàng	5.396.187.859	3.827.608.951
Các khoản tương đương tiền	12.100.000.000	15.000.000.000
	<u>26.091.918.679</u>	<u>25.226.879.782</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	1.050.000.000	350.000.000
	<u>1.050.000.000</u>	<u>350.000.000</u>

(*) Số dư là các khoản cho cán bộ công nhân viên vay với thời hạn dưới 01 năm, lãi suất bằng lãi suất tại Ngân hàng thương mại Công ty đang giao dịch.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	32.495.872	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	5.734.564	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.911.523	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng Cáo Âu Lạc	188.000.000	376.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương	9.027.390	300.000.000
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	-	2.645.000.000
Phải thu khác	210.900.545	392.296.872
	<u>448.069.894</u>	<u>3.713.296.872</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.520.931.763	40.164.904.295
Công cụ, dụng cụ	865.423.795	1.171.132.428
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.082.745.985	2.705.250.535
Thành phẩm	14.133.245.464	12.268.694.466
Hàng hoá	1.999.172.232	1.665.985.029
	<u>53.601.519.239</u>	<u>57.975.966.753</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	12.195.554	17.974.449
	<u>12.195.554</u>	<u>17.974.449</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	14.835.507	15.171.473
	<u>14.835.507</u>	<u>15.171.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	560.992.195	6.798.877.288
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(27.227.200)	(27.227.200)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(27.227.200)	(27.227.200)
Số dư cuối năm	6.237.885.093	533.764.995	6.771.650.088
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	933.815.134	206.860.513	1.140.675.647
Số tăng trong năm	149.410.416	122.365.260	271.775.676
- Trích khấu hao	149.410.416	122.365.260	271.775.676
Số giảm trong năm	-	(27.227.200)	(27.227.200)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(27.227.200)	(27.227.200)
Số dư cuối năm	1.083.225.550	301.998.573	1.385.224.123
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	5.304.069.959	354.131.682	5.658.201.641
Số dư cuối năm	5.154.659.543	231.766.422	5.386.425.965

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	237.653.091	217.253.091
- Dự án Trung tâm Thương mại Alta Plaza	126.344.000	126.344.000
- Dự án Nhà xưởng tại 47 Âu Cơ	90.909.091	90.909.091
- Dự án Xây dựng nhà Lưu trú Công Nhân	20.400.000	-
Mua sắm tài sản cố định	-	1.111.776.710
- Máy in năm màu kỹ thuật số	-	1.111.776.710
	237.653.091	1.329.029.801

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	52.481.862.189	52.481.862.189
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	52.481.862.189	52.481.862.189
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	9.770.321.338	9.770.321.338
Số tăng trong năm	1.930.970.196	1.930.970.196
- Trích khấu hao (*)	1.930.970.196	1.930.970.196
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.701.291.534	11.701.291.534
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Đầu năm	42.711.540.851	42.711.540.851
Cuối năm	40.780.570.655	40.780.570.655

(*) Trong kỳ, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư làm chi phí khấu hao năm 2012 giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 1.670.950.147 đồng.

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư vào công ty con	15.100.000.000	10.100.000.000
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	5.100.000.000	5.100.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8.700.000.000	8.700.000.000
- Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.086.711.581)	(1.242.152.067)
	20.835.617.619	17.680.177.133

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Sản xuất và dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy
Công ty CP Y khoa Song An (*)	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Y tế, bệnh viện

(*) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
	122.329.200	122.329.200

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.740.497.595	1.095.339.590
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	1.740.497.595	1.095.339.590
Đầu tư vào Công ty liên doanh	1.346.213.986	146.812.477
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	1.346.213.986	146.812.477
	3.086.711.581	1.242.152.067

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	453.222.191	851.313.205
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	490.000	78.652.412
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (*)	629.741.839	779.221.747
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	820.797.976	426.915.014
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	109.166.168	21.984.451
	2.013.418.174	2.158.086.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(*) Chi tiết tài sản tháo dỡ gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2012 là 623.438.624 đồng;

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền chưa phân bổ hết tính tới thời điểm ngày 31/12/2012 là 6.303.215 đồng.

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.118.806.719	22.150.972.066
- Vay ngân hàng	15.118.806.719	22.150.972.066
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.211.388.000
	15.118.806.719	23.362.360.066

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽¹⁾	11.087.651.459	22.150.972.066
Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽²⁾	4.031.155.260	-
	15.118.806.719	22.150.972.066

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	1.211.388.000
	-	1.211.388.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng:

(a) Hợp đồng vay số 0219/TaB1/11LD ngày 14/09/2011 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng bằng thời hạn rút vốn (+) cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng;
- + Lãi suất cho vay: theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2012 của Hợp đồng là 174.635,67 USD, tương đương với 3.637.311.735 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(b) Hợp đồng tín dụng số 0348/TaB1/12LD ngày 28/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm kinh doanh dịch vụ giải trí và văn phòng cho thuê);
- + Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng bằng thời hạn rút vốn (+) cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng;
- + Lãi suất cho vay: theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ;
- + Số dư tại thời điểm 31/12/2012 của Hợp đồng là 357.707,88 USD, tương đương với 7.450.339.724 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số SGD.TB.08240412 ngày 26/04/2012 tại Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 32.000.000.000 đồng hoặc tương đương với 1.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ xuất khẩu và bảo lãnh các loại;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	3.652.682
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	482.522.588
Thuế Thu nhập cá nhân	995.963	8.370.980
Các loại thuế khác (Thuế bảo vệ môi trường)	9.015.634.440	-
	<u>9.016.630.403</u>	<u>494.546.250</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	39.940.158
Phải trả cổ tức cho cổ đông	21.816.000	1.713.000
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp khi cổ phần hóa	2.035.579.342	2.078.617.342
Phải trả về doanh thu liên kết của tòa nhà Alta - Unique	541.070.651	1.099.399.381
Phải trả, phải nộp khác	355.601.195	227.430.913
	<u>2.954.067.188</u>	<u>3.447.100.794</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>53.562.120.000</i>	<i>53.562.120.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.904.477.600	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>5.904.477.600</i>	<i>-</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.356.212</i>	<i>5.356.212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.920.398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.920.398</i>	<i>4.920.398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.477.656.109	1.242.204.294
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	4.368.550.442	4.133.098.627

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	91.537.797.558	118.088.501.919
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.113.850.763	34.172.826.224
	109.651.648.321	152.261.328.143

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	144.321.028	1.370.685.810
	144.321.028	1.370.685.810

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	91.393.476.530	116.717.816.109
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	18.113.850.763	34.172.826.224
	<u>109.507.327.293</u>	<u>150.890.642.333</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	92.749.730.923	108.777.910.332
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.163.785.685	33.430.197.430
	<u>110.913.516.608</u>	<u>142.208.107.762</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.297.170.514	2.371.520.071
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	5.322.136.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia	950.972.500	573.831.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	136.010.135	625.441.595
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.162.384	-
	<u>2.392.315.533</u>	<u>8.892.928.824</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.397.576.967	2.187.245.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	989.775.928	2.892.431.534
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.844.559.514	1.242.152.067
	<u>4.231.912.409</u>	<u>6.321.828.756</u>

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	24.272.728	445.030.875
Thu nhập khác	559.446.376	306.743.721
	<u>583.719.104</u>	<u>751.774.596</u>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	21.289.266	1.248.245.369
Chi phí khác	64.544.616	91.821.607
	85.833.882	1.340.066.976

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.084.767.916)	5.044.916.691
Các khoản điều chỉnh tăng	-	91.609.856
- Chi phí không hợp lệ	-	91.609.856
Các khoản điều chỉnh giảm	(950.972.500)	(2.133.395.189)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(950.972.500)	(2.133.395.189)
Tổng thu nhập tính thuế	(9.035.740.416)	3.003.131.358
- Thu nhập tính thuế còn lại	(9.035.740.416)	3.003.131.358
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	-	750.782.840
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(414.902.456)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	335.880.384
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	482.522.588	1.089.441.414
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(482.522.588)	(942.799.210)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	482.522.588

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(8.084.767.916)	4.709.036.307
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(8.084.767.916)	4.709.036.307
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.920.398	4.922.389
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.643)	957

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.072.518.739	103.653.703.409
Chi phí nhân công	5.540.255.162	8.351.993.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.070.208.472	8.450.626.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.212.971.955	4.256.104.380
Chi phí khác bằng tiền	1.150.031.394	1.967.449.232
	91.045.985.722	126.679.877.412

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.091.918.679	-	25.226.879.782	-
Phải thu khách hàng	18.735.723.655	(394.410.379)	24.533.168.449	(394.410.379)
Phải thu khác	448.069.894	-	3.713.296.872	-
Đầu tư ngắn hạn	1.050.000.000	-	350.000.000	-
Đầu tư dài hạn	122.329.200	-	122.329.200	-
	46.448.041.428	(394.410.379)	53.945.674.303	(394.410.379)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	15.118.806.719	24.169.537.830
Phải trả người bán	5.332.387.561	11.054.136.806
Chi phí phải trả	3.938.499	54.717.898
Phải trả khác	2.954.067.188	3.447.100.794
	23.409.199.967	38.725.493.328

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.091.918.679	-	-	26.091.918.679
Phải thu khách hàng	18.341.313.276	-	-	18.341.313.276
Phải thu khác	448.069.894	-	-	448.069.894
Đầu tư ngắn hạn	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	45.931.301.849	122.329.200	-	46.053.631.049

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.226.879.782	-	-	25.226.879.782
Phải thu khách hàng	24.138.758.070	-	-	24.138.758.070
Phải thu khác	3.713.296.872	-	-	3.713.296.872
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	-	-	350.000.000
Đầu tư dài hạn	-	122.329.200	-	122.329.200
	53.428.934.724	122.329.200	-	53.551.263.924

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	15.118.806.719	-	-	15.118.806.719
Phải trả người bán	5.332.387.561	-	-	5.332.387.561
Chi phí phải trả	3.938.499	-	-	3.938.499
Phải trả khác	2.954.067.188	-	-	2.954.067.188
	23.409.199.967	-	-	23.409.199.967
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	23.362.360.066	807.177.764	-	24.169.537.830
Phải trả người bán	11.054.136.806	-	-	11.054.136.806
Chi phí phải trả	54.717.898	-	-	54.717.898
Phải trả khác	3.447.100.794	-	-	3.447.100.794
	37.918.315.564	807.177.764	-	38.725.493.328

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Hoạt động bán hàng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.113.850.763	91.393.476.530	109.507.327.293
Chi phí bộ phận trực tiếp	18.163.785.685	92.749.730.923	110.913.516.608
Chi phí không phân bổ	-	-	7.176.463.823
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(49.934.922)	(1.356.254.393)	(8.582.653.138)
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.074.681.506	112.180.650.664	113.255.332.170
Tài sản không phân bổ	-	-	111.533.844.787
Tổng tài sản	1.074.681.506	112.180.650.664	224.789.176.957
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.697.775.032	13.110.702.531	14.808.477.563
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	19.978.835.887
Tổng nợ phải trả	1.697.775.032	13.110.702.531	34.787.313.450

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	-	1.400.000.000
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	5.000.000.000	-
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	3.032.456.041	2.080.666.177
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Công ty con	285.084.698	376.606.899
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	588.592.552	434.536.726
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.723.868.318	1.693.755.587

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ

- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1.682.183.701	7.780.789.672
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương	Công ty con	781.717.574	785.585.319
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	79.385.834	59.942.893
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	115.450.000	340.091.600

Cho vay vốn

- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	431.000.000	2.645.000.000
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	100.000.000	-

Cổ tức được chia

- Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc (Công ty liên kết)	Công ty liên kết	950.972.500	564.000.000
---	------------------	-------------	-------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	66.431.398	1.565.076.046
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	323.748.713	335.361.139
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	320.687.048	119.563.889
Phải thu khác			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	188.000.000	376.000.000
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	-	2.645.000.000
- Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hường Dương	Công ty con	9.027.390	300.000.000
Phải trả tiền hàng			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	289.295.651	1.976.926.992
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	34.552.000	155.171.500
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	64.655.649	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	741.624.500	431.314.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	23.417.703.080	96.981.125.123	1.482.386.623	547.647.858	106.258.100	122.535.120.784
Số tăng trong năm	159.757.482	2.376.972.933	311.070.028	63.381.088	-	2.911.181.531
- Mua sắm, lắp đặt mới	-	2.376.972.933	311.070.028	63.381.088	-	2.751.424.049
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	159.757.482	-	-	-	-	159.757.482
Số giảm trong năm	-	(734.524.526)	-	-	-	(734.524.526)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(734.524.526)	-	-	-	(734.524.526)
Số dư cuối năm	23.577.460.562	98.623.573.530	1.793.456.651	611.028.946	106.258.100	124.711.777.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	9.809.930.762	50.685.831.316	1.211.854.980	314.195.827	36.202.810	62.058.015.695
Số tăng trong năm	1.237.125.932	7.002.385.013	60.961.494	57.879.481	10.625.808	8.368.977.728
- Trích khấu hao	1.237.125.932	7.002.385.013	60.961.494	57.879.481	10.625.808	8.368.977.728
Số giảm trong năm	-	(713.235.260)	-	-	-	(713.235.260)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(713.235.260)	-	-	-	(713.235.260)
Số dư cuối năm	11.047.056.694	56.974.981.069	1.272.816.474	372.075.308	46.828.618	69.713.758.163
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	13.607.772.318	46.295.293.807	270.531.643	233.452.031	70.055.290	60.477.105.089
Số dư cuối năm	12.530.403.868	41.648.592.461	520.640.177	238.953.638	59.429.482	54.998.019.626

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.746.119.677 đồng
- Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: Trong kỳ, để đảm bảo thời gian thu hồi vốn phù hợp với thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình làm chi phí khấu hao năm 2012 giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 2.080.055.867 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối doái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011									
Số dư đầu năm	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(10.370.746.687)	(1.041.437.039)	910.934.456	2.890.894.333	6.185.317.698	200.103.192.251
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	4.709.036.307	4.709.036.307
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	331.269.838	-	(662.539.676)	(331.269.838)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.295.834.920)	-	-	-	-	(1.295.834.920)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	1.041.437.039	-	-	-	1.041.437.039
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	(828.853.039)	-	-	-	(828.853.039)
Số dư cuối năm	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	(828.853.039)	1.242.204.294	2.890.894.333	10.231.814.329	203.397.707.800
NĂM 2012									
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(8.084.767.916)	(8.084.767.916)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	235.451.815	-	(235.451.815)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(235.451.816)	(235.451.816)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(5.904.477.600)	(5.904.477.600)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	828.853.039	-	-	-	828.853.039
Số dư cuối năm	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	-	1.477.656.109	2.890.894.333	(4.228.334.818)	190.001.863.507

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9.015.820.000	16,83%	9.015.820.000	16,83%
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Vốn góp của đối tượng khác	38.026.470.000	71,00%	38.026.470.000	71,00%
	53.562.120.000	100%	53.562.120.000	100%